

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A LƯỚI  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60 /2021 /HNGĐ-ST

Ngày: 29-09-2021

*“Tuyên bố không công nhận  
quan hệ vợ chồng”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Trần Việt Văn

2. Ông: Hồ Văn Ngoan

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 09 năm 2021, tại Hội trường Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình đã thụ lý số: 34/2021/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 06 năm 2021, Về việc: *“Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19 /2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐHPT-HNGĐ ngày 18/09/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Danh L, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Số 65 Đường Hồ Chí Minh, thị trấn A Lưới, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1966 ; Địa chỉ: Số 65 đường Hồ Chí Minh, thị trấn A Lưới, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2021, cũng như đơn khởi kiện bổ sung ngày 28 tháng 05 năm 2021 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như biên bản hòa giải ngày 14 tháng 09 năm 2021, nguyên đơn ông Nguyễn Danh L trình bày về hôn nhân: Ông L và bà Nguyễn Thị Q xây dựng gia đình hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương, vào ngày 10/01/ 1990, quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đến UBND xã đăng ký kết*

hôn, ông, bà chung sống với nhau có hạnh phúc nhiều năm chưa có vấn đề gì xảy ra mâu thuẫn lớn, đã có ba người con chung. Đến năm 2015 ông và Bà Q đã xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng ngày càng gay gắt, phức tạp, trái ngược quan điểm sống, dẫn đến không có hạnh phúc và không còn tình cảm thương yêu nhau như trước đây, đã sống thật sự ly thân hơn 5 năm cho đến nay. Nay Ông L viết đơn xin ly hôn bà Nguyễn Thị Q và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho được ly hôn với Bà Q nếu pháp luật thừa nhận vợ chồng; nếu pháp luật không công nhận vợ chồng thì ông yêu cầu Tòa án xem xét tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với Bà Q.

*Tại bản lấy lời khai và biên bản hòa giải là bị đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày về hôn nhân:* Bà Q và Ông L xây dựng gia đình hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương, vào ngày 10/01/ 1990, quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đến UBND xã đăng ký kết hôn, như lời khai của Ông L hoàn toàn là đúng. Bà và ông chung sống với nhau có hạnh phúc nhiều năm chưa có vấn đề gì xảy ra mâu thuẫn lớn, đã có ba người con chung. Đến năm 2015 bà và ông L đã xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng ngày càng gay gắt, phức tạp, trái ngược quan điểm sống, dẫn đến không có hạnh phúc và không còn tình cảm thương yêu nhau như trước đây, đã sống thật sự ly thân hơn 5 năm cho đến nay. Nay Ông L viết đơn xin ly hôn bà Nguyễn Thị Q thì bà đồng ý ly hôn, nếu pháp luật thừa nhận vợ chồng; nếu pháp luật không công nhận vợ chồng thì bà cùng yêu cầu Tòa án xem xét tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với Ông L.

*Về con chung:* 1. Nguyễn Danh D, sinh ngày: 15-07-1990; 2. Nguyễn Thị T, sinh ngày: 20-01-1993; 3. Nguyễn Danh K, sinh ngày: 13-08-1997. Hiện nay 3 người con chung đều lập gia đình riêng, tuổi đã trưởng thành nên Ông L và Bà Q không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Về tài sản chung:* Ông L và Bà Q trình bày đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự không có tài liệu, chứng cứ bổ sung hoặc giao nộp thêm; Ông và bà không đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh A, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An và tại UBND thị trấn A L, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế nên thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu pháp luật thừa nhận vợ chồng; nếu pháp luật không công nhận vợ chồng thì bà cùng yêu cầu Tòa án xem xét tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; cả nguyên đơn và bị đơn đều có mặt.

Về đường lối giải quyết: Áp dụng khoản 1 Điều 11 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016. Đề nghị tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Danh L. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Danh L và bà Nguyễn Thị Q.

2. Về con chung: 1. Nguyễn Danh D, sinh ngày: 15-07-1990; 2. Nguyễn Thị T, sinh ngày: 20-01-1993; 3. Nguyễn Danh K, sinh ngày: 18-07-1997. Hiện nay ba con chung đều lập gia đình riêng, tuổi đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu nộp án phí theo luật định.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Nguyên đơn là Ông L khởi kiện yêu cầu giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Q có nơi cư trú tại số 56 Đường HCM, thị trấn A L, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A Lưới đã thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “ Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Danh L và bà Nguyễn Thị Q xây dựng gia đình hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương, vào ngày 10/ 01/1990, quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đến UBND xã đăng ký kết hôn. Ông và bà chung sống với nhau như vợ chồng đã nhiều năm có hạnh phúc, chưa có vấn đề gì xảy ra mâu thuẫn lớn, đã có ba người con chung. Đến năm 2015 ông, bà đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, xích mích nhau dẫn đến ông bà không có tiếng nói chung, không ai quan tâm đến ai và đã thật sự ly thân hơn 5 năm cho đến nay. Việc Ông L và Bà Q sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là trái quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền,

nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay Ông L và Bà Q đều yêu cầu Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông L và Bà Q, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 11 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: 1. Nguyễn Danh D -sinh ngày: 15-07-1990; 2. Nguyễn Thị T, sinh ngày: 20-01-1993; 3. Nguyễn Danh K, sinh ngày: 13-08-1997. Hiện nay ba người con chung đều lập gia đình riêng, tuổi đã trưởng thành. Ông L và Bà Q không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, đề cập. Nếu sau này có tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện một vụ án khác.

[6] Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Danh L và bà Nguyễn Thị Q, là phù hợp theo đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên;***

#### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Danh L. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Danh L với bà Nguyễn Thị Q.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Danh L phải nộp là 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ông L đã nộp 300.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002671 ngày 07/06/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A Lưới.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện A Lưới;
- CCTHADS huyện A Lưới;
- UBND Hồng Hạ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, dán ấn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Hồ Văn Nhân**